

Anh Tô

(Hồi ký về cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng) (1)

Thủ tướng Phạm Văn Đồng với các nhà văn Việt Nam

Như nhiều người, tôi quen gọi Thủ tướng Phạm Văn Đồng là Anh Tô.

Tôi có món nợ lớn với Anh Tô. Có thể nói rằng những gì tôi đã làm được trong công tác khoa học trong mấy chục năm nay đều trực tiếp hoặc gián tiếp nhờ có sự quan tâm, giúp đỡ của Anh.

Tôi gặp Anh Tô lần đầu tiên năm 1963 trong một cuộc hội thảo về vấn đề tiếng Việt trên sách báo do báo Nhân Dân tổ chức tại Hà Nội, cuộc hội thảo do Anh cùng với anh Hoàng Tùng, Tổng Biên Tập báo Nhân Dân, chủ trì. Hồi ấy tôi là tổ trưởng Tổ Ngôn Ngữ Học trong Viện Văn Học. Tại hội nghị, có người thắc mắc nên nói trụ sở (cơ quan) hay trú sở đúng hơn, bởi vì đây là một từ Hán-Việt, đúng âm phải nói trú như trong trú ngụ, trú quán, cư trú, nội trú, tạm trú, thường trú, v.v. Anh Nguyễn Tài Cẩn có ý kiến nói nửa đùa nửa thật rằng “nếu như thủ tướng ra một chỉ thị từ nay phải dùng trú sở thay cho trụ sở, thì có thể chỉ sau một thời gian sách báo đều viết trú sở hết thôi...” Anh Nguyễn Tài Cẩn chưa kịp nói hết ý kiến, Anh Tô đã đứng phắt dậy, chấp tay vái và nói: “Tôi lạy anh, anh đừng xúi dại tôi”. Và anh cười to một cách thoải mái, làm cả hội nghị đều cười. Một thái độ rất thân mật, bình dân ở một vị Thủ tướng; một lời ngắn gọn và giản dị, chứa đựng một ý kiến sâu sắc, dứt khoát: ngôn ngữ thuộc vào loại vấn đề không thể giải quyết đơn giản bằng quyền lực.

Tiếp theo lời anh Nguyễn Tài Cẩn, tôi có phát biểu ý kiến rằng vấn đề ngôn ngữ là một vấn đề khoa học, cần được nghiên cứu để giải quyết tốt; nhưng ngôn ngữ học là một ngành khoa học rất mới đối với chúng ta; Tổ Ngôn ngữ học trong Viện Văn học chúng tôi còn quá yếu, không đủ cán bộ, nhiều việc biết cần làm nhưng không đủ sức làm. Tan cuộc họp, Anh Tô chủ động gặp tôi, hỏi chuyện thân mật: “Anh Mai(2) có giúp gì anh không?”, tôi trả lời “Anh Mai rất quan tâm, nhưng biên chế một tổ trong Viện thì bị hạn chế rất nhiều”. Anh nói: “Tôi hiểu” và hứa: “Tôi sẽ ủng hộ anh”. Ngay hôm sau, anh Việt Phương, thư ký riêng của Anh, đến gặp tôi và nói: “Anh Tô bảo anh cho biết anh cần bao nhiêu cán bộ, và có thể cho cả tên những người cụ thể anh muốn xin”. Nhờ sự quan tâm của Anh Tô, nên tất cả yêu cầu cụ thể về bổ sung cán bộ của Tổ Ngôn Ngữ Học chúng tôi đều được Ủy Ban Khoa Học Nhà Nước thời bấy giờ đáp ứng, và Tổ Ngôn Ngữ Học bắt đầu tập hợp được một số cán bộ trẻ mới ra trường có triển vọng, hầu hết về sau là những cán bộ cốt cán của ngành ngôn ngữ học nước ta.

Năm 1974, cuộc Kháng chiến của chúng ta có những thuận lợi thì cũng đã thấy rõ hiện tượng tham nhũng. Tôi mạnh bạo gửi cho Anh một bức thư về việc này. Điều tôi hoàn toàn không ngờ là liền sau đó tôi nhận được một danh thiếp(3) trả lời của Anh, nội dung như sau:

Anh Hoàng Phê,

Tôi hoan nghênh bức thư của anh. Anh nói đúng anh nói trúng, bây giờ là làm. Chúng ta, và trước hết là tôi, phải làm; có thể không thể làm nhanh, làm mạnh như mọi người mong muốn, vì thật sự có khó khăn, có sức ỳ, nếu không phải là sức chống - nhưng từng bước một cách cơ bản và vững chắc phải làm - Tôi rất thiết tha với các công việc này. Đồng thời mọi nơi, mọi người, tùy cương vị của mình đều phải làm.

Lâu rồi tôi không gặp anh, sau này có cơ hội sẽ hay.

Thân ái!

7-3-84.

Sau đó, liên tục trong nhiều năm, Anh rất quan tâm đến công tác của chúng tôi, có khi thì Anh mời(4) tôi lên, có khi thì tôi đề nghị Anh cho gặp để báo cáo trực tiếp công việc. Tổ Ngôn Ngữ Học phát triển khá nhanh, chỉ trong vòng năm sáu năm đã bước đầu xây dựng được một thư viện chuyên ngành, bắt đầu nghiên cứu một vài vấn đề có tính chất thời sự của tiếng Việt, biên soạn và xuất bản một công trình khoa học tập thể (Vấn Đề Giữ Gìn Sự Trong Sáng Của Tiếng Việt, 1969) trong đó lần đầu tiên ở nước ta vấn đề chuẩn ngôn ngữ được đặt ra và nghiên cứu về nhiều khía cạnh. Tất cả những công việc này Anh Tô

đều có trực tiếp nghe chúng tôi báo cáo. Đặc biệt, nhận thức được ý nghĩa quan trọng hàng đầu của ngữ liệu đối với việc biên soạn từ điển nói riêng, nghiên cứu tiếng Việt nói chung, chúng tôi đã tập trung nhân lực và phương tiện xây dựng kho ngữ liệu tiếng Việt (gọi là ngân hàng ngữ liệu tiếng Việt), hoàn toàn bằng phương pháp thủ công (toàn bộ phiếu đều chép tay, vì thời bấy giờ chưa có máy vi tính), trong hoàn cảnh chiến tranh, cơ quan phải sơ tán về nông thôn. Công việc cực kỳ tốn kém, phải xây dựng gấp rút một thư viện có tương đối đầy đủ các tác phẩm tiếng Việt tiêu biểu về văn học, nghệ thuật từ xưa đến nay, cũng như một số tác phẩm và số sách phổ thông của các ngành để có đủ tài liệu tham khảo. Chúng tôi phân công một số khá đông cán bộ chia nhau đọc kỹ số sách nói trên, đánh dấu những câu điển hình có thể giúp hiểu rõ nghĩa của từ ngữ hoặc có thể dùng làm thí dụ minh họa trong từ điển. Thời bấy giờ (1979 -1981) đang có chiến tranh, cơ quan sơ tán về nông thôn; chúng tôi nhờ một số giáo viên có chữ viết đẹp và rõ nét chép mỗi câu vào một phiếu, ghi rõ xuất xứ nhờ một số giáo viên khác kiểm tra chính tả. Các phiếu được lưu trữ trong các hộp phiếu. Anh Tô hết sức ủng hộ công việc này, chính nhờ sự quan tâm của Anh mà chúng tôi có được đầy đủ điều kiện làm việc và kinh phí theo yêu cầu trong hoàn cảnh ngân sách nước ta còn hạn hẹp, nên chỉ sau vài ba năm đã xây dựng được một cơ sở ngữ liệu tiếng Việt với gần hai triệu phiếu, điều mà trước đó không một ai dám ước mơ(5). Năm 1969, trên cơ sở Tổ Ngôn Ngữ Học đã thành lập Viện Ngôn Ngữ Học. Nếu không có sự chú ý quan tâm của một vị Thủ tướng như Anh Tô thì chắc chắn ngành ngôn ngữ học nước ta đã không phát triển nhanh chóng được như vậy. Và như nhiều người biết, không phải chỉ riêng ngành ngôn ngữ học, mà một số ngành khoa học khác, xã hội và tự nhiên, cũng vậy.

Anh Tô thấy rất rõ tầm quan trọng và tác dụng của một số công trình khoa học xã hội đối với sự phát triển văn hoá - giáo dục. Năm 1969, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định (số 36-TTg/VG) thành lập ba Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức biên soạn ba công trình cấp Nhà Nước: Lịch sử văn học Việt Nam, Ngữ pháp tiếng Việt và Từ điển tiếng Việt. Viện Ngôn Ngữ Học vừa mới thành lập được giao nhiệm vụ tổ chức biên soạn hai công trình: Ngữ pháp và Từ điển. Hội Đồng Từ Điển Tiếng Việt do GS Nguyễn Khánh Toàn, Chủ Nhiệm Ủy Ban Khoa Học Xã Hội làm Chủ tịch, tôi được giao nhiệm vụ làm uỷ viên thư ký kiêm chủ biên công trình. Từ đó tôi càng có dịp được làm việc trực tiếp với Anh Tô ngay trong những năm kháng chiến ác liệt nhất. Không có khó khăn nào của chúng tôi mà không được Anh quan tâm giúp đỡ giải quyết một cách cụ thể. Anh rất chú ý đến những vấn đề học thuật, nhiều lần trực tiếp nghe tôi trình bày, nhưng bao giờ cũng vậy, Anh lắng nghe và chỉ phát biểu ý kiến với dạng như để tham khảo, không phải như một chỉ thị.

Một lần, trong khi làm việc với Anh, tôi có nói đến hai bộ từ điển xuất bản ở miền Nam, Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị của Lê Ngọc Trụ, được giải thưởng quốc gia của chính quyền Sài Gòn, và Việt Nam Tự điển hai tập lớn của Lê Văn Đức. Sau đó ít lâu điều tôi hoàn toàn không ngờ, chúng tôi nhận được của Văn Phòng Thủ Tướng chuyển hai bộ từ điển đó từ miền Nam gửi ra. Lần khác, một hôm tôi thỉnh lĩnh nhận được cũng của Anh bảo chuyển cho tôi một bài báo cắt từ tạp chí Le Mon de, bài phỏng vấn P. Robert, người đã tổ chức biên soạn một quyển từ điển tiếng Pháp mới, vừa được giải thưởng của Viện Hàn Lâm Pháp; tôi sức nhớ đã có lần nói với Anh về quyển từ điển này. Sự quan tâm của Anh nhắc chúng tôi phải coi trọng, tìm hiểu và tiếp thu những thành tựu khoa học trong nước, kể cả ở miền Nam, và nước ngoài.

Cuối năm 1979, Viện Ngôn Ngữ Học tổ chức một Hội nghị khoa học toàn quốc về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, một vấn đề mà như mọi người đều biết, Anh đặc biệt quan tâm. Anh đã trực tiếp nghe ban tổ chức Hội Nghị báo cáo về công việc chuẩn bị, Anh góp ý kiến nhiều về mặt chuẩn bị nội dung. Anh đã "lấy tư cách một người rất thiết tha với sự trong sáng của tiếng Việt" dự buổi khai mạc và phát biểu một số ý kiến rất sâu sắc, có ý nghĩa chỉ đạo lớn. Anh nêu rõ "cái phức tạp của việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, ở chiều sâu

của nó” đòi hỏi trước hết “cần phải xác định phương pháp tư tưởng, phương pháp nghiên cứu, phương pháp giải quyết các vấn đề”. Và Anh nhấn mạnh:

“Trong công việc này chúng ta phải kiên trì. Nếu cần tranh luận thì nên tranh luận rộng rãi và đến nơi đến chốn... Phải tranh luận đến lúc đúng sai thật rõ rệt. Nếu chưa được thì ta còn chờ, không vội. Cuối cùng, cuộc sống, nhân dân sẽ quyết định. Không nên vội, chớ vội, việc gì phải vội!... Có những cái, những hiện tượng mà cuộc sống có cái lý của nó để quyết định, và khi mà cuộc sống, thế gian, nhân dân đã quyết định thì đó là sự phán quyết cuối cùng.”(6)

Những lời trên đây đến bây giờ vẫn giữ nguyên tính thời sự khi vận dụng vào việc giải quyết một số vấn đề của tiếng Việt.

Từ điển tiếng Việt dự kiến là một bộ từ điển bốn tập. Tập I đã được xuất bản năm 1975. Tôi gửi biếu Anh một quyển kèm theo một bức thư ngắn. Sau đó ít lâu tôi nhận được một danh thiếp của Anh, nội dung như sau:

“Anh Hoàng Phê thân mến,

“Đã lâu tôi nhận được bức thư và tập I quyển Từ điển tiếng Việt phổ thông, tôi có xem qua tập I, nhưng xem chưa kỹ lắm và cũng chưa đủ để có ý kiến chắc chắn góp với anh - vậy tôi chỉ viết mấy dòng này để hoan nghênh thành công bước đầu của các anh và chúc anh cùng anh em tiếp tục phấn đấu - chắc là trong điều kiện khó khăn nhiều - để làm cho xong một công trình đặc biệt quan trọng.

“Phải rất nhiều người xem và góp ý để sửa chữa vì đây là một công trình tập thể

“Thân ái!

25-3-/976”

Tôi đọc kỹ mấy lời nhận xét của Anh, chú ý câu cuối và nghĩ rằng thật ra Anh chưa hài lòng. Tôi cố gắng nâng cao thêm chất lượng biên soạn của tập tiếp theo, thì thấy rằng công việc cực kỳ khó khăn. Sau đó công việc biên soạn kéo dài, có thể nói là trì trệ. Tôi chịu trách nhiệm về việc này. Tôi đã phạm sai lầm lớn đề nghị biên soạn một từ điển nhiều tập trong khi chưa có đủ điều kiện, khách quan cũng như chủ quan. Công việc kéo dài không biết đến bao giờ, trong khi xã hội lại đang rất cần từ điển tiếng Việt. Năm 1984, thấy được sai lầm của mình, tôi đề nghị đình việc biên soạn các tập tiếp theo, thôi không biên soạn một công trình lớn cấp Nhà nước, mà chuyển sang tập trung cán bộ trong Viện Ngôn Ngữ Học biên soạn gấp rút trong thời gian ngắn một từ điển cỡ một tập. Nghe báo cáo, Anh Tô rất tán thành. Chúng tôi làm việc rất khẩn trương và biên soạn xong quyển từ điển năm 1986. Anh có xem qua bản thảo và tỏ ý hài lòng. Anh mời tất cả những người đã tham gia, trực tiếp hoặc gián tiếp, công tác biên soạn, tiếp thân mật trong cả một buổi chiều, có chụp ảnh lưu niệm. Anh viết Lời Giới Thiệu cho quyển Từ điển và gửi cho tôi xem; tôi chỉ đề nghị Anh thêm cái ý cần có những quyển từ điển tốt hơn trong một tương lai không xa. Anh đồng ý và bổ sung, nhấn mạnh: “phải tiếp tục hoàn thiện và nâng cao công trình quan trọng này, chuẩn bị việc biên soạn một bộ từ điển tốt hơn sau này”. Điều rất đáng tiếc là bản thân tôi cho đến gần đây trong nhiều năm đã không chú ý đến nhiệm vụ này.

Mỗi lần làm việc với Anh Tô tôi đều thấy rất thoải mái, có thể cởi mở nói tất cả những suy nghĩ của mình. Lời nói, cử chỉ của Anh rất thân mật. Ngồi trước mặt Anh, tôi không cảm thấy sự xa cách giữa một vị lãnh đạo Nhà nước với một cán bộ khoa học không có chức vụ.

Một hôm, Anh hỏi tôi hơi bất ngờ: “Có một công tác khoa học quan trọng, biên soạn từ điển bách khoa; tôi rất tha thiết với công việc này, anh giúp tôi một tay, có được không? Nhưng là việc mất nhiều thì giờ đấy”. Hồi đó tôi đang say sưa nghiên cứu một đề tài, vấn đề logic của ngôn ngữ tự nhiên(7); trong không khí thân mật tôi trả lời Anh thẳng thắn rằng tôi rất tiếc không có thì giờ và tâm trí làm việc gì khác. Anh muốn nghe tôi trình bày đề tài của tôi. Mấy hôm sau, anh làm việc với tôi trong một buổi chiều. Bắt đầu tôi hỏi Anh có thì giờ nghe tôi trong bao lâu, Anh trả lời rằng suốt cả buổi, và nói thêm rằng nếu cần thì sẽ thêm một buổi nữa cũng không sao. Trong suốt hai tiếng đồng hồ anh chú ý nghe tôi trình bày không hề cắt, nghe xong Anh bảo tôi rằng Anh

hiểu sự say mê nghiên cứu của tôi, chúc tôi thành công và chỉ nhắc tôi một điều: nên chú ý sự áp dụng trong giáo dục, trong việc dạy tiếng Việt cho con em chúng ta. Trong tâm trí Anh lúc nào cũng chỉ nghĩ đến làm việc gì cho ích nước lợi dân, và chính vì vậy Anh rất coi trọng con người, và chú ý đặc biệt đến khoa học và giáo dục. Từ sau đó Anh không nhắc gì đến việc này nữa.

Những khi làm việc với Anh, đôi khi tôi ngộ ý muốn nêu một vài ý kiến khác ý kiến của Anh, Anh bảo tôi: “Anh cứ nói”, và lắng nghe, không hề ngắt; ý kiến đúng thì Anh vui vẻ tiếp thu, ý kiến Anh thấy không đúng thì Anh cũng chỉ nói lại nhẹ nhàng.

Những năm Anh Tô đã nghỉ hưu, tuổi đã cao, sức yếu, mỗi lần tiếp khách thường chỉ hạn chế trong khoảng một tiếng đồng hồ, tôi thỉnh thoảng có đến thăm Anh, thấy Anh vẫn là Anh Tô như hồi nào Anh còn làm Thủ tướng Chính phủ, rất dễ gần, chân tình, giản dị. Một lần khi tôi chào Anh ra về, Anh đứng dậy tiễn tôi ít bước, bắt tay tôi rất chặt và nói: “Quan hệ giữa tôi với anh là quan hệ en tre militants(8), anh hiểu chứ? Bất cứ lúc nào anh muốn gặp tôi, chỉ cần anh báo cho biết”. Tôi hiểu. Anh là Anh Tô, một con người trước sau như vậy. Đơn giản, giản dị, có chức vị cao, nhưng không tự đặt mình lên trên mọi người, không phân biệt trên dưới, cao thấp. Có kiến thức rộng, nhưng khiêm tốn, biết mình biết người, lắng nghe ý kiến của những người hiểu biết hơn mình trong những lĩnh vực nào đó; được trọng vọng, nhưng sống thanh bạch, ít nghĩ đến cái cá nhân của mình, coi trọng người khác, coi trọng đoàn kết. Hạnh phúc biết bao khi đất nước có được những người lãnh đạo như Anh Tô, nhất là ở thời đại kinh tế tri thức.n

1. Trước đây, năm 2000, khi anh Tô ốm nặng, theo yêu cầu của anh Hữu Thịnh, chủ bút Tổng biên tập báo Văn Nghệ tôi có viết bài Anh Tô, Những Kỷ Niệm Khó Quên, đăng ở báo Văn Nghệ số cuối tháng ba năm 2000, và sau đó đăng ở tác phẩm Phạm Văn Đồng Trong Lòng Nhân Dân Việt Nam Và Bạn Bè Quốc Tế, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2002, tr. 881-887 (một chi tiết nhỏ: đã ghi lầm tôi là “nguyên Viện Trưởng Viện Ngôn Ngữ -Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn; có sai lầm này là do khi Nhà Xuất Bản hỏi anh Nguyễn Tiến Năng, nguyên thư ký riêng của Anh Tô về tôi, anh Nguyễn Tiến Năng đã cung cấp một tin không đúng). Bài viết có phần vội vàng. Nay tôi viết lại, cố gắng nói chính xác và đầy đủ những gì tôi được biết về Anh, một con người có một tâm hồn và một cuộc sống rất đẹp.

2. Ông Đặng Thai Mai, Viện Trưởng Viện Văn Học hỏi bảy giờ.

3. Anh Tô có gửi cho tôi hai danh thiếp tất cả, ngày 17-3-1974 và ngày 25-3-1976, tôi còn giữ nguyên vẹn.

4. Trong bài viết trước đây, bản thảo tôi viết Anh gọi tôi lên, anh Việt Phương khuyên tôi nên sửa lại là Anh mời tôi lên. Anh Việt Phương, thư ký riêng của Anh Tô trong rất nhiều năm, hiểu Anh Tô hơn tôi nhiều.

5. Những tư liệu này được tàng trữ tại một phòng tư liệu đặc biệt ở Viện Ngôn Ngữ Học

6. Phạm Văn Đồng, Giữ Gìn Sự Trong Sáng Của Tiếng Việt, tạp chí Ngôn Ngữ, 1980, số 1, tr. 1-5.

7. Về vấn đề này tôi có viết tác phẩm Logic - Ngôn Ngữ Học, Nxb Khoa Học Xã Hội xuất bản giữa năm 1989, nhưng sách đã in sai quá nhiều, đặc biệt in sai các ký hiệu nên đã làm có thể hiểu sai về nội dung, tôi không dám tặng anh Tô; mãi gần đây (2003) tôi mới có điều kiện đưa tái bản có sửa và bổ sung (NXB Đà Nẵng - Trung Tâm Từ Điển Học, Hà Nội, 2003).

8. Giữa những người bạn chiến đấu (trong bài viết trước đây, tôi tránh dùng chữ militants, mà ghi đơn giản chữ bạn, vì tôi nghĩ rằng tôi có thể bị hiểu lầm, nhưng điều đó không có nghĩa lý gì so với việc trung thực với ý kiến của Anh Tô, hiểu đúng Anh Tô).

(Văn nghệ Trẻ số 6 năm 2004)